

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 8 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân và ông Trần Thanh Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-7-2023 và thông báo mở lại phiên tòa số 13/2023/TB-XX ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L- Sinh năm 19xx. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Ngọc H– Sinh năm 19xx. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 02/3/2018 tại UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi, chửi nhau, anh H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ, con; anh H có biểu hiện không chung thủy, chị nhiều lần phát hiện tin nhắn trong điện thoại của anh H hẹn hò với người phụ nữ khác, chị và gia đình nhắc nhở anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, từ tháng 02 năm 2022 đến nay anh H không thường xuyên ở nhà, không quan tâm đến gia đình nữa. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về nuôi con: Chị và anh H có 02 con chung là Vũ Ngọc M, sinh ngày 2x/x/20xx và Vũ Ngọc G, sinh ngày 2x/1x/20xx, hiện nay các cháu đang ở với chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc G, anh H trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc M, không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Ngọc H đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng anh H không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Vũ Ngọc H có nơi cư trú tại: Thôn Tr, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vũ Ngọc H được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Vũ Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 02/3/2018 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn chị Triệu Thị L xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, nên xảy ra cãi chửi, nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo mở phiên hòa giải nhiều lần và tổng đạt hợp lệ cho anh H, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Vũ Ngọc H.

[3] Về nuôi con: Chị L và anh H có hai con chung là Vũ Ngọc M, sinh ngày 2x/x/20xx và Vũ Ngọc G, sinh ngày 2x/1x/20xx, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc G, anh H trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc M không ai phải cấp dưỡng cho con. Do chị L và anh H đều là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, chị L đề nghị mỗi người trực tiếp nuôi một cháu là phù hợp với thực tế. Do đó, cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc G, anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc M là phù hợp. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Triệu Thị L được ly hôn anh Vũ Ngọc H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Triệu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc G, sinh ngày 2x/1x/20xx; anh Vũ Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc M, sinh ngày 2x/x/20xx, cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001482 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (chị L đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKSND tp.Yên Bái;
- Chi cục THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tp Yên;
- Lưu HS; TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Độ